

Công ty Cổ phần Tập đoàn VNG

(trước đây là Công ty Cổ phần VNG)

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025



Công ty Cổ phần Tập đoàn VNG
(trước đây là Công ty Cổ phần VNG)

MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán riêng	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	11 - 50

Công ty Cổ phần Tập đoàn VNG

(trước đây là Công ty Cổ phần VNG)

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn VNG ("Công ty"), tên trước đây là Công ty Cổ phần VNG, là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") lần đầu số 4103002645 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh – nay là Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh, cấp vào ngày 9 tháng 9 năm 2004 và các lần đăng ký thay đổi sau đó.

Tên Công ty được chuyển từ Công ty Cổ phần VNG sang Công ty Cổ phần Tập đoàn VNG theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") điều chỉnh lần thứ 44 do Phòng Đăng ký Kinh doanh – Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25 tháng 7 năm 2025.

Hoạt động chính được đăng ký theo các GCNĐKDN của Công ty bao gồm:

- ▶ cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng;
- ▶ tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính;
- ▶ lập trình máy vi tính, sản xuất phần mềm, tư vấn và cung cấp phần mềm;
- ▶ quảng cáo thương mại;
- ▶ dịch vụ truy cập dữ liệu và thông tin trên mạng, dịch vụ xử lý dữ liệu và thông tin trên mạng, xây dựng cơ sở dữ liệu, lưu trữ cơ sở dữ liệu, khai thác cơ sở dữ liệu; và
- ▶ đại lý hoa hồng mua bán thẻ điện thoại, thẻ internet và thẻ trò chơi.

Vào ngày 28 tháng 12 năm 2022, cổ phiếu phổ thông của Công ty đã được phê duyệt để giao dịch trên sàn UPCOM của Việt Nam, là một thị trường giao dịch chứng khoán của các công ty chưa niêm yết theo Quyết định số 874/QĐ-SGDHN do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội chấp thuận. Ngày giao dịch đầu tiên là ngày 5 tháng 1 năm 2023.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Z06 Đường 13, Phường Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Hồng Minh	Nhà sáng lập, Chủ tịch	
Ông Vương Quang Khải	Đồng sáng lập, Phó Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 27 tháng 11 năm 2025
Ông Võ Sỹ Nhân	Chủ tịch	miễn nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2025
Bà Christina Gaw	Thành viên	
Ông Edphawin Jetjirawat	Thành viên	

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Hoàng Anh	Trưởng ban	bổ nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2025
Bà Nguyễn Vũ Ngọc Hân	Trưởng ban	hết nhiệm kỳ ngày 21 tháng 6 năm 2025
Ông Vũ Thành Long	Thành viên	
Ông Ngô Vi Hải Long	Thành viên	bổ nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2025
Ông Phạm Văn Đồ La	Thành viên	miễn nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2025

Công ty Cổ phần Tập đoàn VNG

(trước đây là Công ty Cổ phần VNG)

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Wong Kelly Yin Hon	Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 20 tháng 5 năm 2025
Ông Vương Quang Khải	Đồng sáng lập, Phó Tổng Giám đốc Thường trực Cấp cao VNG	miễn nhiệm ngày 4 tháng 12 năm 2025
Ông Nguyễn Lê Thành	Phó Tổng Giám đốc VNG	bổ nhiệm lại ngày 8 tháng 10 năm 2025
Ông Tan Wei Ming	Phó Tổng Giám đốc Tài chính	
Bà Trương Thị Thanh	Phó Tổng Giám đốc VNG	bổ nhiệm ngày 19 tháng 11 năm 2025

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Lê Hồng Minh.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Tập đoàn VNG

(trước đây là Công ty Cổ phần VNG)

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn VNG ("Công ty"), trước đây là Công ty Cổ phần VNG, hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Ngoài ra, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 đề ngày 31 tháng 3 năm 2026 phù hợp với các quy định hiện hành trên áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Wong Kelly Yin Hon
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2026



Shape the future
with confidence

Ernst & Young Vietnam Limited
2 Hai Trieu Street, Sai Gon Ward
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Email: eyhcmc@vn.ey.com
Website (EN): ey.com/en_vn
Website (VN): ey.com/vi_vn

Số tham chiếu: 11537012/68608045-R

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông và Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Tập đoàn VNG

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn VNG ("Công ty"), trước đây là Công ty Cổ phần VNG, được lập ngày 31 tháng 3 năm 2026 và được trình bày từ trang 6 đến trang 50, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Shape the future
with confidence

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Hàng Nhật Quang
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN Kiểm toán
Số: 1772-2023-004-1

Dương Phúc Kiên
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN Kiểm toán
Số: 4613-2023-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2026

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		2.933.105.403.333	1.268.948.101.699
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	2.310.924.161.876	661.033.097.236
111	1. Tiền		485.224.161.876	661.033.097.236
112	2. Các khoản tương đương tiền		1.825.700.000.000	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		5.261.250.000	6.750.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6	5.261.250.000	6.750.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		426.423.612.666	432.049.238.640
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7	393.783.285.162	322.204.689.491
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		1.529.699.441	4.342.070.768
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	8	33.462.702.326	106.679.190.285
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7	(2.352.074.263)	(1.176.711.904)
140	IV. Hàng tồn kho		9.612.313.842	8.039.843.225
141	1. Hàng tồn kho	9	10.912.377.264	8.973.228.250
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	9	(1.300.063.422)	(933.385.025)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		180.884.064.949	161.075.922.598
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	165.400.927.083	145.540.150.458
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		1.515.195	1.349.469
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	17	15.481.622.671	15.534.422.671
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		2.887.694.091.558	3.051.675.914.797
210	I. Phải thu dài hạn		4.655.874.263	4.773.590.487
216	1. Phải thu dài hạn khác	8	4.655.874.263	4.773.590.487
220	II. Tài sản cố định		527.349.889.680	596.220.358.981
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	481.473.597.430	511.389.221.106
222	Nguyên giá		884.842.142.643	893.171.471.297
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(403.368.545.213)	(381.782.250.191)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	45.876.292.250	84.831.137.875
228	Nguyên giá		769.777.717.551	738.597.287.156
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(723.901.425.301)	(653.766.149.281)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		58.664.998.430	46.091.610.825
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	58.664.998.430	46.091.610.825
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	14	2.200.522.769.990	2.297.908.754.512
251	1. Đầu tư vào công ty con	14.1	7.298.411.211.378	6.843.762.611.378
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết	14.2	625.886.834.997	1.261.649.300.772
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	14.3	(5.723.775.276.385)	(5.807.503.157.638)
260	V. Tài sản dài hạn khác		96.500.559.195	106.681.599.992
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	96.500.559.195	106.681.599.992
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		5.820.799.494.891	4.320.624.016.496

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		5.518.229.242.952	3.760.269.125.589
310	I. Nợ ngắn hạn		5.384.198.782.583	3.689.378.045.616
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	892.537.662.221	631.303.445.913
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	76.009.830.378	35.967.097.041
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	85.340.446.728	71.439.459.037
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	1.070.982.144.931	979.904.992.072
318	5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	19	2.215.852.750.345	1.353.946.055.975
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	20	49.166.362.959	58.775.998.462
320	7. Vay ngắn hạn	21	994.309.585.021	558.040.997.116
330	II. Nợ dài hạn		134.030.460.369	70.891.079.973
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	19	116.271.052.041	50.404.166.823
337	2. Phải trả dài hạn khác		692.413.328	586.217.000
342	3. Dự phòng phải trả dài hạn	22	17.066.995.000	19.900.696.150
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	23	302.570.251.939	560.354.890.907
410	I. Vốn chủ sở hữu		302.570.251.939	560.354.890.907
411	1. Vốn cổ phần		293.769.740.000	287.360.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		293.769.740.000	287.360.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		(47.218.780.807)	(60.038.260.807)
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		56.019.292.746	333.033.151.714
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		333.033.151.714	2.141.135.095.248
421b	- Lỗ sau thuế năm nay		(277.013.858.968)	(1.808.101.943.534)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		5.820.799.494.891	4.320.624.016.496

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2026

Hoàng Thị Huệ
Người lập

Lê Trung Tín
Kế toán trưởng

Lê Hồng Minh
Người đại diện theo pháp luật

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.1	5.817.930.686.675	5.197.482.658.855
10	2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.1	5.817.930.686.675	5.197.482.658.855
11	3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	25	(3.729.767.347.551)	(3.124.720.771.771)
20	4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		2.088.163.339.124	2.072.761.887.084
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	24.2	45.650.048.746	24.893.811.461
22 23	6. Chi phí tài chính Trong đó: Chi phí lãi vay	26	(628.863.257.919) (35.452.898.820)	(2.224.043.056.452) (49.052.827.317)
25	7. Chi phí bán hàng	27	(894.009.259.033)	(670.807.888.008)
26	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	(856.971.321.962)	(885.149.676.352)
30	9. Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh		(246.030.451.044)	(1.682.344.922.267)
31	10. Thu nhập khác	28	14.657.627.126	1.780.802.404
32	11. Chi phí khác	28	(45.588.235.050)	(127.537.823.671)
40	12. Lỗ khác	28	(30.930.607.924)	(125.757.021.267)
50	13. Tổng lỗ kế toán trước thuế		(276.961.058.968)	(1.808.101.943.534)
51	14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	30.1	(52.800.000)	-
52	15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	30.1	-	-
60	16. Lỗ sau thuế TNDN		(277.013.858.968)	(1.808.101.943.534)

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2026

Hoàng Thị Huệ
Người lập

Lê Trung Tín
Kế toán trưởng

Lê Hồng Minh
Người đại diện theo pháp luật



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	Tổng lỗ kế toán trước thuế		(276.961.058.968)	(1.808.101.943.534)
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	11, 12	118.804.218.561	131.641.916.763
03	(Hoàn nhập dự phòng) dự phòng		(54.522.699.616)	2.167.079.408.319
04	Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		1.486.584.310	1.735.812.299
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(40.086.222.460)	(10.231.997.454)
06	Chi phí lãi vay	26	35.452.898.820	49.052.827.317
08	(Lỗ) lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(215.826.279.353)	531.176.023.710
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		606.852.498.515	(208.418.751.221)
10	(Tăng) giảm hàng tồn kho		(1.939.149.014)	2.477.623.634
11	Tăng các khoản phải trả		1.338.348.704.811	393.994.569.881
12	Tăng chi phí trả trước		(9.679.735.828)	(46.191.154.595)
14	Tiền lãi vay đã trả		(35.121.550.330)	(49.349.577.265)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		1.682.634.488.801	623.688.734.144
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(102.878.967.458)	(105.871.196.669)
22	Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định		13.485.766.662	1.017.102.575
24	Tiền thu thuần gửi kỳ hạn ngân hàng		1.488.750.000	49.250.000.000
25	Tiền chi đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết		(490.151.000.000)	(1.756.693.834.375)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các công ty con và công ty liên kết		79.902.482.895	252.021.634.237
27	Tiền lãi và lợi nhuận đã nhận		26.318.840.065	13.516.658.177
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(471.834.127.836)	(1.546.759.636.055)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền nhận đặt cọc mua cổ phần		11.215.030.000	11.286.240.000
32	Hoàn trả đặt cọc mua cổ phần		(9.164.350.000)	-
33	Tiền thu từ đi vay	21	1.701.006.030.190	1.596.683.914.213
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	21	(1.264.737.442.285)	(1.757.123.623.307)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động tài chính		438.319.267.905	(149.153.469.094)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

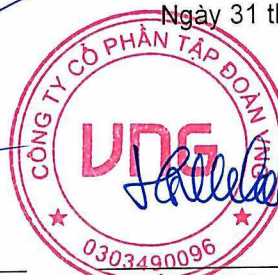
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền và các khoản tương đương tiền thuần trong năm		1.649.119.628.870	(1.072.224.371.005)
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		661.033.097.236	1.732.371.924.390
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		771.435.770	885.543.851
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	5	2.310.924.161.876	661.033.097.236

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2026

Hoàng Thị Huệ
Người lập

Lê Trung Tín
Kế toán trưởng



Lê Hồng Minh
Người đại diện theo pháp luật

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Tập đoàn VNG ("Công ty"), trước đây là Công ty Cổ phần VNG, là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") lần đầu số 4103002645 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh – nay là Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh, cấp lần đầu vào ngày 9 tháng 9 năm 2004 và các lần đăng ký thay đổi sau đó.

Tên Công ty được chuyển từ Công ty Cổ phần VNG sang Công ty Cổ phần Tập đoàn VNG theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") điều chỉnh lần thứ 44 do Phòng Đăng ký Kinh doanh – Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25 tháng 7 năm 2025.

Hoạt động chính được đăng ký theo các GCNĐKDN của Công ty bao gồm:

- ▶ cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng;
- ▶ tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính;
- ▶ lập trình máy vi tính, sản xuất phần mềm, tư vấn và cung cấp phần mềm;
- ▶ quảng cáo thương mại;
- ▶ dịch vụ truy cập dữ liệu và thông tin trên mạng, dịch vụ xử lý dữ liệu và thông tin trên mạng, xây dựng cơ sở dữ liệu, lưu trữ cơ sở dữ liệu, khai thác cơ sở dữ liệu; và
- ▶ đại lý hoa hồng mua bán thẻ điện thoại, thẻ internet và thẻ trò chơi.

Vào ngày 28 tháng 12 năm 2022, cổ phiếu phổ thông của Công ty đã được phê duyệt để giao dịch trên sàn UPCOM của Việt Nam, là một thị trường giao dịch chứng khoán của các công ty chưa niêm yết theo Quyết định số 874/QĐ-SGDHN do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội chấp thuận. Ngày giao dịch đầu tiên là ngày 5 tháng 1 năm 2023.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Z06 Đường số 13, Phường Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 1.407 người (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 1.519 người).

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có mười ba (13) công ty con trực tiếp, hai mươi lăm (25) công ty con gián tiếp, bốn (4) công ty liên kết trực tiếp và ba (3) công ty liên kết gián tiếp với chi tiết về tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết cả trực tiếp và gián tiếp được trình bày như bảng bên dưới.

Công ty Cổ phần Tập đoàn VNG
(trước đây là Công ty Cổ phần VNG)

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

STT	Tên công ty	Số cuối năm		Số đầu năm		Địa điểm	Ngành nghề kinh doanh chính	Tình trạng
		Tỷ lệ lợi ích của Công ty (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty (%)	Tỷ lệ lợi ích của Công ty (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty (%)			
I.	Công ty con trực tiếp							
1.	Công ty Cổ phần Zion ("Zion")	99,999	99,999	99,999	99,999	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Dịch vụ trung gian thanh toán	Đang hoạt động
2.	Công ty Cổ phần Dịch vụ - Dữ liệu Công nghệ Thông tin Vi Na ("ViNaData")	99,989	99,989	99,989	99,989	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Cung cấp dịch vụ về công nghệ thông tin	Đang hoạt động
3.	Công ty Cổ phần Dịch vụ mạng Vi Na ("Vinanet")	99,50	99,50	99,50	99,50	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Dịch vụ giá trị gia tăng trên di động và mạng viễn thông	Đang hoạt động
4.	Công ty TNHH Phát triển Phần mềm VNG ("VNGS")	100,00	100,00	100,00	100,00	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất và phát triển phần mềm các loại	Đang hoạt động
5.	Công ty Cổ phần Công nghệ EPI ("EPI")	100,00	100,00	100,00	100,00	Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Dịch vụ quảng cáo trực tuyến, thiết kế trang mạng, phần mềm và các công nghệ truyền thông	Đang hoạt động
6.	Công ty TNHH Zie ("Zie")	100,00	100,00	100,00	100,00	Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Vận hành và phân phối trò chơi trực tuyến	Đang hoạt động
7.	Công ty Cổ phần A4B ("A4B")	100,00	100,00	69,80	69,80	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Lập trình máy vi tính, sản xuất phần mềm	Đang hoạt động
8.	Công ty TNHH ZingPlay Việt Nam ("ZPS")	100,00	100,00	100,00	100,00	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Vận hành và phân phối trò chơi trực tuyến	Đang hoạt động
9.	Công ty TNHH VNG Online ("VNG Online")	100,00	100,00	100,00	100,00	Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cung cấp dịch vụ công nghệ thông tin và sản xuất phần mềm các loại	Đang hoạt động
10.	Quỹ Kiến tạo Ước mơ ("DMF")	100,00	100,00	100,00	100,00	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Quỹ xã hội, tổ chức phi lợi nhuận	Đang hoạt động
11.	Công ty TNHH 2MoreBits ("2MoreBits")	100,00	100,00	-	-	Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Sản xuất và phát triển phần mềm các loại	Đang hoạt động
12.	Công ty TNHH Zalo Platforms ("Zalo Platforms")	100,00	100,00	-	-	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Cung cấp dịch vụ về công nghệ thông tin	Đang hoạt động

Công ty Cổ phần Tập đoàn VNG
(trước đây là Công ty Cổ phần VNG)

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

STT	Tên công ty	Số cuối năm		Số đầu năm		Địa điểm	Ngành nghề kinh doanh chính	Tình trạng
		Tỷ lệ lợi ích của Công ty (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty (%)	Tỷ lệ lợi ích của Công ty (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty (%)			
I. Công ty con trực tiếp (tiếp theo)								
13.	Công ty TNHH VNGGames ("VNGGames VN")	100,00	100,00	-	-	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Vận hành và phân phối trò chơi trực tuyến	Đang hoạt động
14.	Công ty TNHH Verichains ("Verichains VN")	-	-	100,00	100,00	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất và phát triển phần mềm các loại	Đang hoạt động
II. Công ty con gián tiếp								
1.	Công ty TNHH Truyền thông Minh Phương Thịnh ("MPT")	100,00	100,00	100,00	100,00	Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	Vận hành và phân phối trò chơi trực tuyến	Đang hoạt động
2.	Công ty Cổ phần VNG Data Center ("VNG DC")	50,994	51,00	50,994	51,00	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Cung cấp dịch vụ về công nghệ thông tin	Đang hoạt động
3.	VNG Singapore Pte. Ltd. ("VNG Singapore")	99,989	100,00	99,989	100,00	Singapore	Phát triển và phân phối phần mềm, thiết bị và linh kiện máy tính; cung cấp dịch vụ liên quan đến phần mềm và hậu mãi	Đang hoạt động
4.	VNG Myanmar Company Limited ("VNG Myanmar")	99,989	100,00	99,989	100,00	Thành phố Yangon, Myanmar	Vận hành và phân phối trò chơi trực tuyến	Đang trong quá trình giải thể
5.	VNG Games Co., Ltd ("VNGGames TH")	99,989	100,00	99,989	100,00	Thành phố Bangkok, Thái Lan	Phát triển và cập nhật trò chơi trực tuyến và trò chơi trên điện thoại	Đang hoạt động
6.	VNGGames Pte. Ltd ("VNGGames SG")	99,989	100,00	-	-	Singapore	Vận hành và phân phối trò chơi trực tuyến	Đang hoạt động
7.	Công ty Cổ phần XFM ("XFM")	99,989	99,989	99,989	99,989	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Ghi âm và xuất bản âm nhạc	Đang hoạt động
8.	ZingPlay International Pte. Ltd. ("ZPI")	99,989	100,00	99,989	100,00	Singapore	Phát triển và phân phối phần mềm, thiết bị và linh kiện máy tính	Đang hoạt động
9.	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Truyền thông Thanh Sơn ("Thanh Sơn")	99,999	100,00	99,999	100,00	Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Kinh doanh thẻ trò chơi và thẻ viễn thông	Đang hoạt động

Công ty Cổ phần Tập đoàn VNG
(trước đây là Công ty Cổ phần VNG)

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

STT	Tên công ty	Số cuối năm		Số đầu năm		Địa điểm	Ngành nghề kinh doanh chính	Tình trạng
		Tỷ lệ lợi ích của Công ty (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty (%)	Tỷ lệ lợi ích của Công ty (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty (%)			
II. Công ty con gián tiếp (tiếp theo)								
10.	Công ty Cổ phần Aetima ("Aetima")	99,999	99,999	99,999	99,999	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Dịch vụ quảng cáo trực tuyến	Đang hoạt động
11.	Công ty Cổ phần Fiza ("Fiza")	99,997	99,998	99,997	99,998	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Dịch vụ quảng cáo trực tuyến	Đang hoạt động
12.	Công ty Cổ phần Mixus ("Mixus")	99,934	99,934	99,934	99,934	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc	Đang hoạt động
13.	KMZ Interactive Entertainment (Shenzhen) Co., Ltd. ("KMZ") (*)	99,989	100,00	99,989	100,00	Trung Quốc	Cung cấp dịch vụ về công nghệ thông tin	Trước hoạt động
14.	Instantiapay Holdings Pte. Ltd. ("Instpay Holco") (*) (i)	47,73	66,67	47,73	66,67	Singapore	Hoạt động đầu tư	Trước hoạt động
15.	InstantiaPay SG Pte. Ltd. ("Instpay SG") (*)	47,73	100,00	47,73	100,00	Singapore	Dịch vụ tài chính	Trước hoạt động
16.	InstantiaPay Pty Ltd ("Instpay AU")	47,73	100,00	47,73	100,00	Úc	Dịch vụ tài chính	Đang hoạt động
17.	InstantiaPay Limited (United Kingdom) ("Instpay UK") (*)	47,73	100,00	47,73	100,00	Vương Quốc Anh	Dịch vụ tài chính	Trước hoạt động
18.	InstantiaPay Limited (Hongkong) ("Instpay HK")	47,73	100,00	47,73	100,00	Hong Kong	Dịch vụ tài chính	Ngưng hoạt động
19.	Công ty TNHH InstantiaPay Việt Nam ("Instpay VN") (*)	100,00	100,00	100,00	100,00	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất và phát triển phần mềm các loại	Trước hoạt động
20.	VNG Investment Pte. Ltd. ("VNG Investment") (*)	100,00	100,00	100,00	100,00	Singapore	Phát triển và kinh doanh phần mềm, thiết bị và phụ tùng máy tính và các dịch vụ liên quan đến phần mềm	Trước hoạt động

(i) Công ty giữ 47,73% tỷ lệ quyền sở hữu trực tiếp ở Instpay Holco theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của công ty này. Tỷ lệ quyền biểu quyết 66,67% được tính bao gồm cả tỷ lệ quyền biểu quyết gián tiếp của Công ty.

(*) Các công ty này đang ở giai đoạn trước hoạt động, nghĩa là đang trong giai đoạn đầu tư và chưa bắt đầu hoạt động kinh doanh chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Công ty Cổ phần Tập đoàn VNG
(trước đây là Công ty Cổ phần VNG)

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

STT	Tên công ty	Số cuối năm		Số đầu năm		Địa điểm	Ngành nghề kinh doanh chính	Tình trạng
		Tỷ lệ lợi ích của Công ty (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty (%)	Tỷ lệ lợi ích của Công ty (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty (%)			
II. Công ty con gián tiếp (tiếp theo)								
21.	Công ty Cổ phần Greennode ("Greennode VN")	99,789	99,80	98,989	99,00	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Cung cấp dịch vụ về công nghệ thông tin	Đang hoạt động
22.	Greennode Pte. Ltd. ("Greennode SG")	99,989	100,00	99,989	100,00	Singapore	Cung cấp dịch vụ lưu trữ dữ liệu	Đang hoạt động
23.	Greennode Co., Ltd ("Greennode TH")	99,989	100,00	99,989	100,00	Thái Lan	Cung cấp dịch vụ lưu trữ dữ liệu	Đang hoạt động
24.	Công ty TNHH Zing ("Zing")	100,00	100,00	-	-	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc	Đang hoạt động
25.	Instantia Capital Pte. Ltd ("Instpay Capital")	47,73	100,00	-	-	Singapore	Cung cấp dịch vụ về công nghệ thông tin	Đang hoạt động
26.	Verichains SG Pte. Ltd ("Verichains SG")	-	-	100,00	100,00	Singapore	Phát triển phần mềm và ứng dụng, các dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác	Đang hoạt động
27.	MLT Hong Kong Limited ("MLT HK")	-	-	100,00	100,00	Hồng Kông	Vận hành và phân phối trò chơi trực tuyến	Đã giải thể
28.	YoPlatform FZE ("YoPlatform")	-	-	100,00	100,00	Dubai, các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống Nhất	Vận hành và phân phối trò chơi trực tuyến	Đã giải thể
29.	VNG Technologies LLC	-	-	100,00	100,00	Dubai, Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất	Dịch vụ mạng công nghệ thông tin; thiết bị hệ thống máy tính và truyền thông; thiết kế phần mềm; dịch vụ công nghệ số cái phân tán; tư vấn công nghệ thông tin	Đang hoạt động
30.	Công ty TNHH VNG Solutions ("VNG Solutions")	-	-	99,50	100,00	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất và phát triển phần mềm các loại	Đang hoạt động

Công ty Cổ phần Tập đoàn VNG
(trước đây là Công ty Cổ phần VNG)

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

STT	Tên công ty	Số cuối năm		Số đầu năm		Địa điểm	Ngành nghề kinh doanh chính	Tình trạng
		Tỷ lệ lợi ích của Công ty (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty (%)	Tỷ lệ lợi ích của Công ty (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty (%)			
III.	Công ty liên kết trực tiếp							
1.	Nhóm công ty Funding Asia Group Pte. Ltd ("Funding Asia")	2,23	4,67	3,40	4,67	Singapore	Kinh doanh vận hành và quản lý nền tảng tài chính số	Đang hoạt động
2.	Công ty Cổ phần Phát triển Phần mềm VTH ("VTH")	35,00	35,00	35,00	35,00	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp; cho thuê văn phòng	Đang hoạt động
3.	Công ty Cổ phần DayOne Holding ("DayOne Holding")	22,24	22,24	22,46	22,46	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Thương mại điện tử	Đang hoạt động
4	Công ty TNHH Verichains ("Verichains VN")	40,00	40,00	-	-	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất và phát triển phần mềm các loại	Đang hoạt động
5.	Telio Pte. Ltd ("Telio")	-	-	16,55	16,55	Singapore	Công ty đầu tư	Đã giải thể
6.	Công ty Cổ phần Công nghệ Ecotruck ("Ecotruck")	-	-	23,94	23,94	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất phần mềm và hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	Đã giải thể
IV.	Công ty liên kết gián tiếp							
1.	Open Commerce Group Ltd. ("OCG")	12,17	12,17	12,17	12,17	Singapore	Thương mại điện tử	Đang hoạt động
2.	NCV Games Pte. Ltd ("NCV")	30,00	30,00	30,00	30,00	Singapore	Phát triển trò chơi	Đang hoạt động
3.	Verichains SG Pte. Ltd ("Verichains SG")	40,00	40,00	-	-	Singapore	Phát triển phần mềm và ứng dụng, các dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác	Đang hoạt động
4.	Rocketeer Holding Limited ("Rocketeer")	-	-	11,25	11,25	Đảo Cayman	Công ty đầu tư	Đang hoạt động
5.	Cloudverse Pte. Ltd ("Cloudverse")	-	-	30,00	30,00	Singapore	Dịch vụ tư vấn công nghệ thông tin và lưu trữ dữ liệu	Đang hoạt động
6.	Beijing Youtu Interactive Co., Ltd ("Beijing Youtu")	-	-	14,00	14,00	Thành phố Beijing, Trung Quốc	Phân phối bản quyền trò chơi điện tử	Đang hoạt động

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty có các công ty con như được trình bày tại *Thuyết minh – “TM”*, số 1 và TM số 14.1. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Ngoài ra, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (“Tập đoàn”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 đến ngày 31 tháng 3 năm 2026 phù hợp với các quy định hiện hành trên áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn.

2.2 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.6 Quy định kế toán mới đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 99"), thay thế Thông tư số 200/2014/TT BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 và một số quy định khác có liên quan. Thông tư 99 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 và áp dụng cho các doanh nghiệp có năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2026.

Công ty đang trong quá trình đánh giá tác động của Thông tư 99 đối với việc lập và trình bày báo cáo tài chính và sẽ áp dụng Thông tư 99 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026.

2.7 Giả định hoạt động liên tục

Công ty đã phát sinh khoản lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp với số tiền là 277.013.858.968 VND cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025. Ngoài ra, tổng nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt hơn tổng tài sản ngắn hạn với số tiền là 2.451.093.379.250 VND vào ngày 31 tháng 12 năm 2025. Do đó, khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty phụ thuộc vào khả năng hoạt động kinh doanh có lợi nhuận trong tương lai.

Công ty đã lập kế hoạch dòng tiền cho 12 tháng tiếp theo kể từ ngày lập báo cáo tài chính riêng này, bao gồm việc xem xét đến yếu tố tăng trưởng doanh thu và tối ưu hóa hiệu quả hoạt động để cải thiện dòng tiền từ hoạt động kinh doanh, cũng như nguồn tài chính bổ sung thông qua các hạn mức tín dụng hiện hữu. Công ty kỳ vọng rằng, dựa trên kế hoạch dòng tiền dự phóng, Công ty có thể đảm bảo đủ nguồn tiền và các khoản tương đương tiền để đáp ứng các nhu cầu hoạt động kinh doanh thông thường trong vòng 12 tháng tới. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng việc lập các báo cáo tài chính riêng của Công ty trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên bảng cân đối kế toán riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dư phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán công cụ, dụng cụ, hàng khuyến mãi, thẻ trò chơi trả trước và hàng hóa cuối kỳ với giá trị được xác định bằng chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với công cụ, dụng cụ, hàng khuyến mãi, thẻ trò chơi trả trước và hàng hóa thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.4 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo các hợp đồng thuê đất ký với Công ty TNHH Tân Thuận số 258/TTC-NV.13 vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 trong thời hạn 28 năm. Theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013, hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí dự án hay chi phí theo thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản, nếu có.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	21 năm
Máy móc và thiết bị	3 năm
Phương tiện vận tải và thiết bị truyền dẫn	3 - 6 năm
Thiết bị văn phòng	2 - 5 năm
Tài sản khác	3 - 5 năm

Trường hợp các phần của một tài sản cố định hữu hình có thời hạn hữu dụng khác nhau, chi phí của phần đó được phân bổ hợp lý giữa các phần và được trích khấu hao riêng.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Phần mềm, bao gồm phí bản quyền

Phần mềm, bao gồm phí bản quyền, được ghi nhận theo giá gốc và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian ngắn hơn giữa thời gian sử dụng hữu ích ước tính và thời gian mua phần mềm.

Việc đánh giá sự suy giảm của phí bản quyền được thực hiện cho từng trò chơi một cách riêng lẻ, dựa trên hiệu suất dự báo của từng trò chơi. Các khoản tổn thất từ việc suy giảm của phí bản quyền được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Giá trị phí bản quyền của các giấy phép bị thu hồi hoặc đóng trong năm cũng sẽ được xóa sổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Chi phí nghiên cứu và triển khai

Toàn bộ chi phí nghiên cứu được ghi nhận vào chi phí phát sinh trong năm. Chi phí triển khai cho từng dự án chỉ được ghi nhận là tài sản cố định vô hình nếu Công ty đồng ý thỏa mãn được các điều kiện sau:

- ▶ Tính khả thi về mặt kỹ thuật đảm bảo cho việc hoàn thành và đưa tài sản cố định vô hình vào sử dụng hoặc để bán;
- ▶ Công ty dự định hoàn thành tài sản cố định vô hình để sử dụng hoặc để bán;
- ▶ Công ty có khả năng sử dụng hoặc bán tài sản cố định vô hình đó;
- ▶ Tài sản cố định vô hình đó phải tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai;
- ▶ Công ty có đầy đủ các nguồn lực để hoàn tất các giai đoạn triển khai, bán hoặc sử dụng tài sản cố định vô hình đó; và
- ▶ Có khả năng xác định một cách chắc chắn toàn bộ chi phí trong giai đoạn triển khai để tạo ra tài sản cố định vô hình đó.

Chi phí triển khai đã được vốn hóa được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi hao mòn lũy kế. Hao mòn chi phí triển khai được bắt đầu khi quá trình phát triển đã được hoàn thành và tài sản cố định vô hình đã sẵn sàng để sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 *Tài sản cố định vô hình* (tiếp theo)

Chi phí phát triển phần mềm trên trang mạng và phần mềm sử dụng nội bộ

Công ty ghi nhận tất cả chi phí phát triển phần mềm trên trang mạng và phần mềm sử dụng nội bộ phát sinh liên quan đến giai đoạn hoạch định và chi phí phát sinh liên quan đến việc sửa chữa hoặc bảo trì các trang mạng (website) và phần mềm hiện hành vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Chi phí phát sinh trong giai đoạn phát triển đáp ứng các tiêu chuẩn vốn hóa chi phí phát triển được vốn hóa và phân bổ trong thời gian sử dụng ước tính.

3.7 *Chi phí xây dựng cơ bản dở dang*

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc bao gồm:

Trò chơi và phần mềm dở dang

Trò chơi và phần mềm dở dang thể hiện chi phí đã phát sinh liên quan đến việc phát triển trò chơi và phần mềm dở dang chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí mua sắm mới tài sản chưa được lắp đặt xong hoặc chi phí xây dựng cơ bản chưa được hoàn thành. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và chi phí vay đủ điều kiện được vốn hóa.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang sẽ được chuyển sang tài khoản tài sản cố định thích hợp khi các tài sản này được lắp đặt xong hoặc dự án xây dựng được hoàn thành và khấu hao của các tài sản này sẽ được bắt đầu trích khi các tài sản này đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang ghi nhận vào chi phí trong năm trong trường hợp chi phí xây dựng cơ bản dở dang không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định.

3.8 *Thuê tài sản*

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán riêng. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.10 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi năm tài chính cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng tính đến ngày lập bảng cân đối kế toán riêng theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 46 của Bộ luật Lao động.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.14 Vốn góp của chủ sở hữu

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết được ghi nhận theo mệnh giá.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu trừ đi chi phí phát hành cổ phiếu thực tế phát sinh.

3.15 Nghiệp vụ chi trả bằng cổ phiếu

Ban Tổng Giám đốc đã quyết định không hạch toán nghiệp vụ chi trả bằng cổ phiếu trên báo cáo tài chính riêng cho đến khi quyền mua được thực hiện mà chỉ trình bày các thông tin liên quan đến các nghiệp vụ này tại Thuyết minh số 32 của báo cáo tài chính riêng, do chưa có hướng dẫn cụ thể về cách hạch toán các nghiệp vụ chi trả bằng cổ phiếu theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

3.16 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu trò chơi trực tuyến

Công ty phân phối các trò chơi trực tuyến, bao gồm các trò chơi mà Công ty tự phát triển và các trò chơi được cấp phép bởi các nhà phát triển trò chơi, thông qua máy tính cá nhân (PC), ứng dụng trên thiết bị di động hoặc trình duyệt web và các cửa hàng ứng dụng điện tử cho phép người chơi được chơi miễn phí hoặc có trả phí. Trong các trò chơi này, người chơi có thể mua đơn vị ảo và dùng đơn vị ảo để mua vật phẩm ảo, điểm thưởng, các kĩ năng, các tính năng có trong trò chơi để nâng cấp, tăng cao trải nghiệm chơi trò chơi của họ. Công ty ghi nhận doanh thu chưa thực hiện khi nhận được tiền từ việc người chơi mua trực tiếp đơn vị ảo hoặc vật phẩm ảo, hoặc khi người chơi sử dụng thẻ nạp tiền để mua đơn vị ảo hoặc vật phẩm ảo.

Theo các thỏa thuận cấp phép với các nhà phát triển trò chơi trực tuyến, trong trường hợp Công ty chịu trách nhiệm kiểm soát, vận hành và bảo trì trò chơi, bao gồm việc duy trì đội ngũ vận hành và bảo mật, môi trường thử nghiệm và dịch vụ khách hàng, doanh thu được ghi nhận trên cơ sở gộp. Phí bản quyền trả cho nhà phát triển trò chơi (dựa trên tỷ lệ chia sẻ doanh thu) được ghi nhận vào giá vốn khi phát sinh. Trong trường hợp ngược lại, doanh thu được ghi nhận trên cơ sở thuần, tức là, sau khi trừ đi phí bản quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Doanh thu trò chơi trực tuyến (tiếp theo)

Đối với trò chơi trực tuyến, nghĩa vụ thực hiện của Công ty được xác định khi Công ty tạo ra trò chơi và cung cấp các dịch vụ liên quan đến trò chơi diễn ra xuyên suốt cho người chơi. Khi đó, doanh thu được ghi nhận khi nghĩa vụ thực hiện đối với người chơi được hoàn thành. Với mục đích xác định thời hạn thực hiện nghĩa vụ, Công ty đã xem xét đến một số yếu tố bao gồm: tính chất của từng trò chơi, tính chất của vật phẩm ảo được bán, cách bán vật phẩm ảo và tầm quan trọng của chúng đối với người chơi.

Hàng quý, Công ty ước tính thời gian chơi trung bình của người chơi cho mỗi trò chơi trực tuyến dựa trên "tỷ lệ rời bỏ" bằng cách sử dụng nhiều điểm dữ liệu trong ba tháng của quý. Để tính toán tỷ lệ rời bỏ, Công ty xác định số lượng người chơi thực hiện thanh toán vào tháng đầu tiên của mỗi quý và theo dõi hành vi của người chơi để xác định tỷ lệ rời bỏ tiếp theo của những người chơi, tức là, số lượng người chơi không đăng nhập vào trò chơi trong hai tháng tiếp theo của quý. Công ty xác định rằng một người chơi sẽ "rời bỏ" nếu thanh toán vào tháng đầu tiên của quý nhưng không quay lại chơi trò chơi trong những tháng còn lại của quý đó. Đối với vài trò chơi trực tuyến riêng biệt, hoặc khi một trò chơi mới được ra mắt và chỉ có một khoảng thời gian giới hạn về dữ liệu người chơi trả tiền, Công ty sẽ xem xét các yếu tố khác để ước tính thời gian chơi của người chơi, chẳng hạn như thời gian chơi ước tính của người chơi các trò chơi khác có đặc điểm tương tự.

Mặc dù Công ty tin rằng các ước tính của mình là hợp lý dựa trên thông tin về người chơi trò chơi trực tuyến có sẵn tại mỗi thời điểm, nhưng thời gian chơi trung bình ước tính có thể được điều chỉnh nếu đặc điểm của người chơi trò chơi thay đổi. Việc điều chỉnh doanh thu phát sinh từ việc thay đổi ước tính về thời gian chơi trung bình trong một quý nhất định sẽ được hạch toán tương ứng như một thay đổi trong ước tính kế toán. Sự thay đổi như vậy là kết quả của thông tin mới về mô hình hành vi của người chơi trò chơi trực tuyến.

Công ty cung cấp nhiều phương thức để người dùng thanh toán các vật phẩm ảo trong trò chơi, bao gồm nền tảng ZaloPay, chuyển khoản ngân hàng, thẻ tín dụng, thanh toán thông qua điện thoại di động, thẻ trả trước do chính Công ty bán thông qua các đại lý và các cổng thanh toán trực tuyến khác.

Đối với doanh thu nhận được thông qua nền tảng điện thoại di động, giá giao dịch là tổng số tiền mà Công ty tính cho người chơi vì Công ty là chủ thể trong giao dịch này. Công ty kiểm soát dịch vụ cung cấp trò chơi trực tuyến cho người chơi và có thỏa thuận hợp đồng trực tiếp với người chơi trả tiền. Phí nền tảng và phí xử lý thanh toán được ghi nhận là giá vốn.

Đối với doanh thu nhận được thông qua các kênh phân phối khác (ví dụ như thông qua đại lý, công ty viễn thông và nền tảng trực tuyến), Công ty cũng là chủ thể trong các giao dịch này. Công ty ghi nhận doanh thu theo số tiền nhận được từ nhà phân phối. Các nhà phân phối này có thể chọn thay đổi mức giá mà Công ty yêu cầu bằng cách đưa ra chiết khấu hoặc các ưu đãi khác cho người chơi. Công ty không nhận được thông tin từ các nhà phân phối này về số tiền giảm giá, hoặc ưu đãi, hoặc số tiền thực tế mà người chơi thanh toán.

Công ty ghi nhận chi phí cho các kênh thanh toán là chi phí phát sinh gia tăng, nhất quán với cách ghi nhận doanh thu tương ứng. Đối với những trò chơi trực tuyến, trong đó các yếu tố cho thấy trải nghiệm chơi trò chơi và môi trường ảo đóng vai trò quan trọng đối với người chơi hơn là vật phẩm ảo được bán, thì chi phí cho các kênh thanh toán này được ghi nhận theo thời gian chơi trung bình ước tính của người chơi. Đối với những trò chơi trong đó các yếu tố cho thấy vật phẩm ảo đóng vai trò quan trọng đối với người chơi hơn trải nghiệm chơi trò chơi thì chi phí cho các kênh thanh toán này được ghi nhận trên cơ sở nhất quán với doanh thu liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 *Ghi nhận doanh thu* (tiếp theo)

Doanh thu dịch vụ quảng cáo trực tuyến

Doanh thu dịch vụ quảng cáo trực tuyến bao gồm doanh thu từ việc quảng cáo trên trang chủ của Công ty, trên trang chủ của các trò chơi trực tuyến dưới hình thức băng rôn, các địa chỉ kết nối và biểu tượng, v.v và được ghi nhận dựa trên thời gian thực tế mà các quảng cáo này xuất hiện trên trang mạng tương ứng.

Các dịch vụ khác

Các dịch vụ khác bao gồm:

- ▶ Dịch vụ thông báo Zalo; và
- ▶ Dịch vụ giá trị tăng thêm cho người dùng
- ▶ Dịch vụ nhạc chờ và bản quyền bài hát; và
- ▶ Dịch vụ khác.

Doanh thu của các dịch vụ trên được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp.

Khi cung cấp dịch vụ theo chương trình dành cho khách hàng truyền thống thỏa mãn đồng thời các điều kiện quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC, doanh thu được ghi nhận trên cơ sở tổng số tiền thu được trừ đi phần doanh thu chưa thực hiện là giá trị hợp lý của hàng hóa, dịch vụ cung cấp miễn phí hoặc số tiền chiết khấu, giảm giá cho khách hàng. Doanh thu đối với hàng hóa, dịch vụ phải cung cấp miễn phí đó sẽ được ghi nhận khi đã thực hiện nghĩa vụ với khách hàng hoặc khách hàng không đạt đủ điều kiện theo quy định và không được hưởng dịch vụ miễn phí.

Doanh thu từ tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.17 *Giá vốn dịch vụ cung cấp*

Giá vốn dịch vụ cung cấp chủ yếu bao gồm chi phí mua phần mềm ban đầu, phí phần mềm theo doanh thu, chi phí triển khai và điều hành trò chơi, các chi phí liên quan đến trung tâm dữ liệu và các chi phí chung trực tiếp khác liên quan đến việc cung cấp dịch vụ.

3.18 *Thuế*

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng năm trong tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG NĂM

Vào ngày 23 tháng 1 năm 2025, Công ty đã hoàn tất việc thành lập Công ty TNHH 2MoreBits ("2MoreBits") với tỷ lệ sở hữu là 100%. 2MoreBits có địa chỉ tại Thành phố Hà Nội, Việt Nam với ngành nghề kinh doanh chính là lập trình máy vi tính, sản xuất phần mềm.

Vào ngày 17 tháng 2 năm 2025, Công ty đã hoàn tất việc thành lập Công ty TNHH Zalo Platforms ("Zalo Platforms") với tỷ lệ sở hữu là 100%. Zalo Platforms có địa chỉ tại Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam với ngành nghề kinh doanh chính là cung cấp dịch vụ về công nghệ thông tin.

Vào ngày 11 tháng 8 năm 2025, Công ty đã hoàn tất thủ tục pháp lý để thành lập Công ty TNHH VNGGames ("VNGGames VN") với tỷ lệ sở hữu là 100%. VNGGames VN có địa chỉ tại Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam với ngành nghề kinh doanh chính là vận hành và phân phối trò chơi trực tuyến.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	
Tiền mặt	764.795.930	634.144.916
Tiền gửi ngân hàng (*)	484.459.365.946	660.398.952.320
Các khoản tương đương tiền (**)	1.825.700.000.000	-
TỔNG CỘNG	2.310.924.161.876	661.033.097.236

(*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, một phần tiền gửi ngân hàng tại ngân hàng của Công ty với tổng số tiền 342 tỷ VND đang bị giới hạn giao dịch liên quan đến việc rà soát pháp lý được thực hiện bởi cơ quan chức năng tại Việt Nam.

(**) Số dư cuối năm thể hiện các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc không quá ba (3) tháng và được hưởng lãi suất dao động từ 0,2% đến 4,75%/năm.

6. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN NGẮN HẠN

Số dư cuối năm thể hiện các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc trên ba (3) tháng và kỳ hạn còn lại dưới một (1) năm và được hưởng lãi suất dao động từ 5%/năm đến 5,5%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu khách hàng	188.029.574.048	101.626.500.954
Apple INC.	114.230.367.411	59.006.579.192
Google INC.	29.381.772.082	16.975.732.700
Công ty TNHH FTech Signature	10.096.222.585	5.458.520.532
Phải thu khách hàng khác	34.321.211.970	20.185.668.530
Phải thu bên liên quan (TM số 31)	205.753.711.114	220.578.188.537
TỔNG CỘNG	393.783.285.162	322.204.689.491
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(2.352.074.263)	(1.176.711.904)
GIÁ TRỊ THUẦN	391.431.210.899	321.027.977.587

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	33.462.702.326	106.679.190.285
Chi hộ	28.216.315.314	18.556.589.647
Tạm ứng cho nhân viên	2.585.474.270	8.413.626.666
Tiền lãi phải thu	2.019.912.742	228.973.972
Khác	641.000.000	79.480.000.000
Dài hạn	4.655.874.263	4.773.590.487
Đặt cọc	4.655.874.263	4.773.590.487
TỔNG CỘNG	38.118.576.589	111.452.780.772
Trong đó:		
Phải thu khác bên khác	12.631.196.593	16.180.303.290
Phải thu khác bên liên quan (TM số 31)	25.487.379.996	95.272.477.482

9. HÀNG TỒN KHO

	VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng khuyến mãi	7.728.841.466	(1.300.063.422)	3.727.651.975	(933.385.025)
Công cụ, dụng cụ	3.183.535.798	-	5.245.576.275	-
TỔNG CỘNG	10.912.377.264	(1.300.063.422)	8.973.228.250	(933.385.025)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	165.400.927.083	145.540.150.458
Chi phí kênh phân phối	122.660.648.843	58.022.366.330
Chi phí dịch vụ trả trước	21.933.354.547	21.471.865.274
Phí bản quyền phần mềm	2.614.000.000	62.792.167.717
Phí bản quyền âm nhạc	1.565.799.174	2.002.458.465
Khác	16.627.124.519	1.251.292.672
Dài hạn	96.500.559.195	106.681.599.992
Tiền thuê đất trả trước (*)	67.830.184.906	72.691.266.249
Công cụ, dụng cụ	10.233.549.330	16.515.027.890
Chi phí sửa chữa văn phòng	9.065.558.664	8.586.265.919
Chi phí kênh phân phối	3.911.015.004	2.514.203.554
Phí bản quyền âm nhạc	3.705.463.749	5.563.858.740
Khác	1.754.787.542	810.977.640
TỔNG CỘNG	261.901.486.278	252.221.750.450

(*) Công ty sử dụng quyền sử dụng đất từ tiền thuê đất trả trước để đảm bảo cho khoản vay của Công ty tại một ngân hàng thương mại (TM số 21).

Công ty Cổ phần Tập đoàn VNG
(trước đây là Công ty Cổ phần VNG)

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

VND

Nguyên giá	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải và thiết bị truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Khác	Tổng cộng
Số đầu năm	655.391.075.259	5.727.224.683	45.959.108.984	136.011.953.893	50.082.108.478	893.171.471.297
Mua mới	-	-	3.545.588.880	12.680.960.273	1.206.904.000	17.433.453.153
Thanh lý	-	(2.712.615.000)	(2.346.250.194)	(17.923.975.874)	(1.841.863.995)	(24.824.705.063)
Xóa sổ	-	-	-	(938.076.744)	-	(938.076.744)
Số cuối năm	655.391.075.259	3.014.609.683	47.158.447.670	129.830.861.548	49.447.148.483	884.842.142.643
Trong đó: Đã khấu hao hết	-	3.014.609.682	36.929.770.191	108.498.186.810	47.547.036.316	195.989.602.999
Giá trị khấu hao lũy kế						
Số đầu năm	(163.911.897.095)	(5.727.224.683)	(38.550.001.533)	(124.280.332.857)	(49.312.794.023)	(381.782.250.191)
Khấu hao trong năm	(31.209.098.821)	-	(4.467.340.013)	(9.690.077.798)	(473.237.160)	(45.839.753.792)
Thanh lý	-	2.712.615.000	1.545.852.914	17.215.050.117	1.841.863.995	23.315.382.026
Xóa sổ	-	-	-	938.076.744	-	938.076.744
Số cuối năm	(195.120.995.916)	(3.014.609.683)	(41.471.488.632)	(115.817.283.794)	(47.944.167.188)	(403.368.545.213)
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	491.479.178.164	-	7.409.107.451	11.731.621.036	769.314.455	511.389.221.106
Số cuối năm	460.270.079.343	-	5.686.959.038	14.013.577.754	1.502.981.295	481.473.597.430
Trong đó: Tài sản thế chấp (TM số 21)	460.270.079.343	-	-	-	-	460.270.079.343

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

			VND
	Phần mềm	Khác	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	736.260.165.292	2.337.121.864	738.597.287.156
Mua mới	47.685.521.700	-	47.685.521.700
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	22.628.095.000	-	22.628.095.000
Thanh lý	(3.800.000.000)	-	(3.800.000.000)
Xóa sổ	(35.333.186.305)	-	(35.333.186.305)
Số cuối năm	767.440.595.687	2.337.121.864	769.777.717.551
Trong đó:			
Đã hao mòn hết	570.470.851.771	2.337.121.864	572.807.973.635
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số đầu năm	(651.429.027.417)	(2.337.121.864)	(653.766.149.281)
Hao mòn trong năm	(72.964.464.769)	-	(72.964.464.769)
Xóa sổ	28.544.505.780	-	28.544.505.780
Thanh lý	3.800.000.000	-	3.800.000.000
Khác	(29.515.317.031)	-	(29.515.317.031)
Số cuối năm	(721.564.303.437)	(2.337.121.864)	(723.901.425.301)
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	84.831.137.875	-	84.831.137.875
Số cuối năm	45.876.292.250	-	45.876.292.250

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

		VND
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phần mềm trò chơi đang hoàn thiện	56.536.416.612	46.091.610.825
Khác	2.128.581.818	-
TỔNG CỘNG	58.664.998.430	46.091.610.825

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

		VND
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư vào công ty con (TM số 14.1)	7.298.411.211.378	6.843.762.611.378
Đầu tư vào công ty liên kết (TM số 14.2)	625.886.834.997	1.261.649.300.772
TỔNG CỘNG	7.924.298.046.375	8.105.411.912.150
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (TM số 14.3)	(5.723.775.276.385)	(5.807.503.157.638)
GIÁ TRỊ THUẦN	2.200.522.769.990	2.297.908.754.512

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

14.1 Đầu tư vào công ty con

Tên công ty	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Zion (i)	5.959.651.547.562	5.549.651.547.562
VinaData (*)	898.100.000.000	898.100.000.000
Vinanet	124.073.818.913	124.073.818.913
VNGS	60.000.000.000	60.000.000.000
EPI	51.433.844.903	51.433.844.903
Zalo Platforms (ii)	50.000.000.000	-
VNGGames VN (iii)	50.000.000.000	-
VNG Online (iv)	40.000.000.000	1.000.000.000
Zie	20.000.000.000	20.000.000.000
2MoreBits (v)	20.000.000.000	-
A4B (vi)	15,152,000,000	15.001.000.000
ZPS	10.000.000.000	10.000.000.000
Verichains VN (vii)	-	114.502.400.000
TỔNG CỘNG	7.298.411.211.378	6.843.762.611.378
Dự phòng đầu tư	(5.594.657.217.060)	(4.991.732.853.069)
GIÁ TRỊ THUẦN	1.703.753.994.318	1.852.029.758.309

(*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty sử dụng 40.000.000 cổ phần phổ thông thuộc sở hữu của Công ty trong VinaData để đảm bảo cho khoản vay tại ngân hàng thương mại (TM số 21).

(i) Trong năm 2025, Công ty đã hoàn tất việc mua thêm cổ phiếu phát hành mới từ Zion với tổng giá là 410.000.000.000 VND. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong Zion là 99,99932%.

(ii) Vào ngày 23 tháng 1 năm 2025, Công ty đã hoàn tất thủ tục pháp lý để thành lập Zalo Platforms theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 07/2024/NQ-HĐQT ngày 21 tháng 11 năm 2024 với vốn điều lệ là 10.000.000.000 VND. Trong năm 2025, Công ty cũng đã hoàn tất việc góp thêm vốn vào Zalo Platforms với tổng giá trị là 40.000.000.000 VND.

(iii) Vào ngày 11 tháng 8 năm 2025, Công ty đã hoàn tất thủ tục pháp lý để thành lập VNGGames VN theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 07/2024/NQ-HĐQT ngày 21 tháng 11 năm 2024 với vốn điều lệ là 50.000.000.000 VND.

(iv) Vào ngày 2 tháng 1 năm 2025, Công ty đã hoàn tất việc góp thêm vốn vào VNG Online với tổng giá trị là 39.000.000.000 VND

(v) Vào ngày 7 tháng 1 năm 2025, Công ty đã hoàn tất thủ tục pháp lý để thành lập 2MoreBits theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 07/2024/NQ-HĐQT ngày 21 tháng 11 năm 2024 với vốn điều lệ là 20.000.000.000 VND.

(vi) Vào ngày 23 tháng 9 năm 2025, Công ty đã hoàn tất việc mua 30,2% tỷ lệ sở hữu trong A4B từ cổ đông hiện hữu, với giá trị là 151.000.000 VND để tăng tỷ lệ sở hữu tại A4B tăng từ 69,8% lên 100%.

(vii) Vào ngày 19 tháng 8 năm 2025, Công ty thực hiện chuyển nhượng một phần vốn góp trong Verichains VN theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 10/2025/NQ-HĐQT-VNGG với tổng giá trị là 68.701.440.000 VND, tương đương 60% tỷ lệ sở hữu, cho một đối tác.

Vào ngày 23 tháng 10 năm 2025, giao dịch trên đã hoàn tất. Theo đó, Công ty giảm tỷ lệ sở hữu tương ứng trong Verichains VN xuống còn 40%, Verichains VN trở thành công ty liên kết của Công ty kể từ ngày này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

14.2 Đầu tư vào công ty liên kết

	VND	
Tên công ty	Số cuối năm	Số đầu năm
Funding Asia	261.965.874.997	284,746,435,385
VTH	180.000.000.000	180,000,000,000
DayOne Holding	138.120.000.000	138,120,000,000
Verichains VN (TM số 14.1)	45.800.960.000	-
Telio (i)	-	515,273,409,170
Ecotruck (ii)	-	143,509,456,217
TỔNG CỘNG	625.886.834.997	1.261.649.300.772
Dự phòng đầu tư	(129.118.059.325)	(815.770.304.569)
GIÁ TRỊ THUẦN	496.768.775.672	445.878.996.203

- (i) Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Telio đang trong quá trình hoàn tất việc giải thể và hoàn thành thủ tục pháp lý liên quan.
- (ii) Vào ngày 18 tháng 8 năm 2025, Công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng toàn bộ cổ phần thuộc sở hữu của Công ty trong Ecotruck theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 09/2025/NQ-HĐQT-VNGG, cho một đối tác.

14.3 Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự phòng đầu tư vào công ty con	5.594.657.217.060	4.991.732.853.069
Dự phòng đầu tư vào công ty liên kết	129.118.059.325	815.770.304.569
TỔNG CỘNG	5.723.775.276.385	5.807.503.157.638

Chi tiết tăng (giảm) các khoản dự phòng đầu tư tài chính dài hạn như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	5.807.503.157.638	3.649.525.588.519
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	614.004.974.581	2.164.879.717.998
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	(697.732.855.834)	(6.902.148.879)
Số cuối năm	5.723.775.276.385	5.807.503.157.638

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả bên thứ ba	293.983.623.878	249.666.951.988
Seasun Games Corporation Limited	48.050.523.594	75.618.901.043
Haegin, Co. Ltd.	60.659.128.040	8.212.535.988
TikTok Pte. Ltd.	19.584.900.607	4.978.061.470
Apple Distribution International Ltd.	16.992.123.380	5.284.105.217
Meta Platforms Ireland Limited	16.715.723.704	11.192.320.691
Công ty Cổ phần Truyền thông		
500Bros Toàn cầu	11.698.850.400	3.444.651.900
Khác	120.282.374.153	140.936.375.679
Phải trả bên liên quan (TM số 31)	598.554.038.343	381.636.493.925
TỔNG CỘNG	892.537.662.221	631.303.445.913

16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng từ bên thứ ba	76.009.830.378	35.967.097.041

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(15.534.422.671)	52.800.000	-	(15.481.622.671)
Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	41.796.531.040	468.695.919.126	(466.247.514.760)	44.244.935.406
Thuế nhà thầu nước ngoài	23.285.639.078	365.463.380.384	(353.638.899.535)	35.110.119.927
Thuế thu nhập cá nhân	6.357.288.919	145.143.167.635	(145.515.065.159)	5.985.391.395
TỔNG CỘNG	71.439.459.037	979.302.467.145	(965.401.479.454)	85.340.446.728

Công ty Cổ phần Tập đoàn VNG

(trước đây là Công ty Cổ phần VNG)

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phí bản quyền phần mềm	656.704.747.181	561.429.527.008
Chi phí lương, thưởng	288.016.917.473	172.919.237.120
Chi phí quảng cáo	50.058.870.951	16.175.710.304
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.473.055.050	13.100.044.696
Chi phí đường truyền	8.406.427.962	10.022.580.358
Chi phí phải trả khác	46.322.126.314	206.257.892.586
TỔNG CỘNG	1.070.982.144.931	979.904.992.072
<i>Trong đó:</i>		
Chi phí phải trả cho đối tượng khác	658.792.569.659	605.424.670.546
Chi phí phải trả cho bên liên quan (TM số 31)	412.189.575.272	374.480.321.526

19. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

Số dư cuối năm thể hiện số tiền nhận trước từ khách hàng để thực hiện các dịch vụ trò chơi trực tuyến, dịch vụ giá trị tăng thêm cho người dùng và các dịch vụ khác.

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	2.215.852.750.345	1.353.946.055.975
Dịch vụ trò chơi trực tuyến	1.907.884.081.020	1.227.922.756.454
Dịch vụ giá trị tăng thêm cho người dùng	214.344.072.085	52.132.491.724
Khác	93.624.597.240	73.890.807.797
Dài hạn	116.271.052.041	50.404.166.823
Dịch vụ trò chơi trực tuyến	116.247.993.764	50.308.780.055
Khác	23.058.277	95.386.768
TỔNG CỘNG	2.332.123.802.386	1.404.350.222.798

20. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế nhà thầu nước ngoài	30.171.302.692	26.668.350.889
Đặt cọc mua cổ phần	11.957.530.000	29.136.070.000
Kinh phí công đoàn	4.943.209.225	1.542.848.502
Khác	2.094.321.042	1.428.729.071
TỔNG CỘNG	49.166.362.959	58.775.998.462

Công ty Cổ phần Tập đoàn VNG
(trước đây là Công ty Cổ phần VNG)

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

21. VAY NGẮN HẠN

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm	VND
Ngân hàng Hải Việt Nam					
– Chi nhánh Tân Bình	220.367.026.863	1.701.006.030.190	(927.063.472.032)	994.309.585.021	
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam					
– Chi nhánh Hồ Chí Minh	337.673.970.253	-	(337.673.970.253)	-	
TỔNG CỘNG	558.040.997.116	1.701.006.030.190	(1.264.737.442.285)	994.309.585.021	

Chi tiết khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng thương mại cho mục đích hỗ trợ tài chính được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm	Ngày đáo hạn	Lãi suất	Tài sản đảm bảo
	VND		%/hăm	(TM số 10, 11 và 14.1)

Ngân hàng Hàng hải Việt Nam – Chi nhánh Tân Bình	994.309.585.021	từ ngày 3 tháng 1 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026	5,5	Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất thuộc Thửa đất Số 24, tờ Bản đồ Số 31 (theo tài liệu đo đạc năm 2023), tọa lạc tại Lô Z.03b-04 và Lô Z.05-06-07, Khu Chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh Bốn mươi triệu (40.000.000) cổ phần phổ thông thuộc sở hữu của Công ty trong VinaData
--	-----------------	--	-----	---

22. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

Số dự cuối năm thể hiện khoản trợ cấp thôi việc phải trả được trích lập theo Điều 46 của Bộ luật Lao động như được đề cập trong TM số 3.10.

Công ty Cổ phần Tập đoàn VNG

(trước đây là Công ty Cổ phần VNG)

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

23.1 Tình hình tăng, giảm vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	VND Tổng cộng
Năm trước:				
Số đầu năm	287.360.000.000	(60.038.260.807)	2.141.135.095.248	2.368.456.834.441
Lỗ thuần trong năm	-	-	(1.808.101.943.534)	(1.808.101.943.534)
Số cuối năm	287.360.000.000	(60.038.260.807)	333.033.151.714	560.354.890.907
Năm nay:				
Số đầu năm	287.360.000.000	(60.038.260.807)	333.033.151.714	560.354.890.907
Phát hành cổ phiếu ESOP (*)	6.409.740.000	12.819.480.000	-	19.229.220.000
Lỗ thuần trong năm	-	-	(277.013.858.968)	(277.013.858.968)
Số cuối năm	293.769.740.000	(47.218.780.807)	56.019.292.746	302.570.251.939

(*) Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 02/2025/NQ-HĐQT ngày 5 tháng 3 năm 2025 và số 05/2025/NQ-HĐQT ngày 2 tháng 6 năm 2025, Công ty đã hoàn thành việc phát hành 640.974 cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động ("ESOP") với giá phát hành là 30.000 VND/cổ phiếu vào ngày 19 tháng 5 năm 2025.

Vào ngày 4 tháng 6 năm 2025, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo đã nhận được tài liệu báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu của Công ty. Theo đó, Công ty đã hoàn tất thủ tục tăng vốn điều lệ từ 287.360.000.000 VND lên 293.769.740.000 VND và được Phòng Đăng ký Doanh nghiệp - Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 43 vào ngày 16 tháng 7 năm 2025.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

23.2 Cổ phiếu

	Số cuối năm Cổ phiếu	Số đầu năm Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	29.376.974	28.736.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành		
và góp vốn đầy đủ	29.376.974	28.736.000
Cổ phiếu phổ thông	29.376.974	28.736.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	29.376.974	28.736.000

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết không hạn chế.

23.3 Các giao dịch về vốn với cổ đông

	Năm nay	VND Năm trước
Vốn cổ phần đã góp		
Số đầu năm	287.360.000.000	287.360.000.000
Phát hành cổ phiếu ESOP	6.409.740.000	-
Số cuối năm	<u>293.769.740.000</u>	<u>287.360.000.000</u>

24. DOANH THU

24.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	VND Năm trước
Dịch vụ trò chơi trực tuyến	4.620.567.359.329	4.222.272.112.761
Dịch vụ thông báo Zalo	373.554.431.305	242.304.342.606
Dịch vụ tăng thêm cho người dùng cuối	304.139.599.240	58.172.641.285
Dịch vụ quảng cáo trực tuyến	263.771.753.547	542.873.741.785
Dịch vụ nhạc chờ và bản quyền bài hát	70.482.375.414	50.910.885.444
Dịch vụ cho thuê	38.863.210.872	43.009.090.908
Khác	146.551.956.968	37.939.844.066
TỔNG CỘNG	<u>5.817.930.686.675</u>	<u>5.197.482.658.855</u>

Trong đó:

Doanh thu đối với bên khác	5.676.335.320.795	4.608.775.942.737
Doanh thu đối với bên liên quan	141.595.365.880	588.706.716.118

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. DOANH THU (tiếp theo)

24.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi chênh lệch tỷ giá trong năm	17.540.269.911	14.346.486.163
Lãi tiền gửi ngân hàng	16.818.981.994	10.547.325.298
Cổ tức được chia	11.290.796.841	-
TỔNG CỘNG	45.650.048.746	24.893.811.461

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Phí bản quyền phần mềm	1.965.294.705.344	1.414.181.878.592
Chi phí dịch vụ mua ngoài	838.337.079.684	874.574.227.038
Chi phí nhận viên	836.918.749.264	743.809.049.400
Chi phí khấu hao và hao mòn	73.054.780.934	72.537.333.782
Chi phí khác	16.162.032.325	19.618.282.959
TỔNG CỘNG	3.729.767.347.551	3.124.720.771.771

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Dự phòng suy giảm giá trị khoản đầu tư tài chính dài hạn	575.054.984.134	2.157.977.569.119
Chi phí lãi vay	35.452.898.820	49.052.827.317
Lỗ từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính	11.579.517.493	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá trong năm	5.289.273.162	15.276.847.717
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ	1.486.584.310	1.735.812.299
TỔNG CỘNG	628.863.257.919	2.224.043.056.452

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí bán hàng	894.009.259.033	670.807.888.008
Chi phí quảng cáo	838.469.521.754	625.352.692.478
Chi phí nhân viên	50.021.728.080	36.973.918.185
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.811.278.234	6.264.164.559
Chi phí khác	706.730.965	2.217.112.786
Chi phí quản lý doanh nghiệp	856.971.321.962	885.149.676.352
Chi phí nhân viên	517.793.389.415	442.847.714.383
Chi phí dịch vụ mua ngoài	247.292.260.710	329.057.917.673
Chi phí khấu hao và hao mòn	45.749.437.627	59.104.582.981
Công cụ, dụng cụ	24.083.557.184	41.977.922.273
Chi phí khác	22.052.677.026	12.161.539.042
TỔNG CỘNG	1.750.980.580.995	1.555.957.564.360

28. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	14.657.627.126	1.780.802.404
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	11.976.443.625	-
Lãi từ thanh lý công cụ, dụng cụ	1.497.680.174	1.044.250.569
Thu nhập khác	1.183.503.327	736.551.835
Chi phí khác	(45.588.235.050)	(127.537.823.671)
Dự phòng suy giảm giá trị trò chơi trực tuyến	(35.809.387.016)	(10.290.037.328)
Lỗ do xóa sổ tài sản cố định	(3.791.760.540)	(315.327.844)
Chi phí khác	(5.987.087.494)	(116.932.458.499)
LỖ THUẦN KHÁC	(30.930.607.924)	(125.757.021.267)

29. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Phí bản quyền phần mềm	1.965.294.705.344	1.414.181.878.592
Chi phí nhân viên	1.404.733.866.759	1.223.630.681.692
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.090.440.618.628	1.190.645.888.558
Chi phí quảng cáo	838.469.521.754	625.352.692.478
Chi phí khấu hao và hao mòn (TM số 11 và 12)	118.804.218.561	131.641.916.763
Công cụ, dụng cụ	24.224.012.263	42.175.015.138
Chi phí khác	38.780.985.237	53.050.262.910
TỔNG CỘNG	5.480.747.928.546	4.680.678.336.131

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") của Công ty là 20% trên thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

30.1 Chi phí thuế TNDN

	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-
Thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	52.800.000	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	52.800.000	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-
TỔNG CỘNG	52.800.000	-

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của tổng lỗ kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lỗ kế toán trước thuế	(276.961.058.968)	(1.808.101.943.534)
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	(55.392.211.794)	(361.620.388.707)
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Các chênh lệch tạm thời chưa ghi nhận thuế hoãn lại	165.238.529.606	30.053.592.939
Lỗ thuế chuyển sang các năm sau	-	219.822.344.197
Chuyển lỗ thuế của các năm trước	(110.905.308.073)	-
Chi phí không được trừ	10.342.081.225	111.744.451.571
Thu nhập không chịu thuế TNDN	(7.024.931.596)	-
Cổ tức được chia	(2.258.159.368)	-
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	52.800.000	-
Chi phí thuế TNDN	52.800.000	-

30.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với tổng lỗ kế toán trước thuế được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

30.3 Lỗi chuyển sang các năm sau

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm liên tục kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty có các khoản lỗ thuế lũy kế với tổng giá trị là 2.501.407.612.267 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 3.055.934.152.634 VND) có thể sử dụng để bù trừ với thu nhập chịu thuế phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

			VND	
Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ thuế (*)	Đã chuyển lỗ đến ngày 31 tháng 12 năm 2025	Chưa chuyển lỗ tại ngày 31 tháng 12 năm 2025
2021	2026	252.761.680.345	(252.761.680.345)	-
2022	2027	1.326.542.258.087	(301.764.860.022)	1.024.777.398.065
2023	2028	377.568.981.245	-	377.568.981.245
2024	2029	1.099.061.232.957	-	1.099.061.232.957
TỔNG CỘNG		3.055.934.152.634	(554.526.540.367)	2.501.407.612.267

(*) Lỗ thuế ước tính theo tờ khai thuế của Công ty chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính riêng này.

30.4 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với các khoản mục sau do chưa ước tính được chắc chắn thu nhập chịu thuế trong tương lai tại thời điểm này:

Chênh lệch tạm thời

	VND
Lỗ thuế chuyển sang năm sau	2.501.407.612.267
Các chênh lệch tạm thời, trong đó:	
Doanh thu chưa thực hiện liên quan trò chơi trực tuyến	2.024.132.074.784
Chi phí dự phòng liên quan trò chơi trực tuyến	142.937.118.671
Dự phòng trợ cấp thôi việc	17.066.995.000
Chi phí phải trả	9.580.546.593
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	2.352.074.263
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.300.063.422
Lãi từ khoản chênh lệch tỷ giá ngoại tệ của tài sản	745.692.997
Chi phí kênh phân phối	(105.003.442.823)
TỔNG CỘNG	4.594.518.735.174

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với các bên liên quan được thực hiện theo mức giá và các điều khoản niêm yết thông thường trên thị trường. Số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, ngoại trừ các công ty con và công ty liên kết như được trình bày ở *Thuyết minh số 1*, danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát và có các giao dịch trọng yếu với Công ty như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Dorocat Games Co., Ltd ("Dorocat")	Công ty con của công ty liên kết
Tencent Technology (Shenzhen) Company Limited ("Tencent Shenzhen")	Bên liên quan với các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty
Tencent Technology (Shanghai) Co. Ltd ("Tencent Shanghai")	Bên liên quan với các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty
Tencent Mobile International Ltd. ("Tencent Mobile")	Bên liên quan với các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty
Tencent Cloud International Pte Ltd ("Tencent Cloud")	Bên liên quan với các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty
Proxima Beta Pte. Limited ("Proxima")	Bên liên quan với các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty
Riot Games Services Pte Ltd. ("Riot Games Services")	Bên liên quan với các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty
Aceville Pte. Ltd. ("Aceville")	Bên liên quan với các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty
VNG Limited	Bên liên quan do có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Công nghệ BigV ("BigV")	Bên liên quan do có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát	

Những nghiệp vụ trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Thanh Sơn	Bán thẻ trò chơi trả trước	1.253.951.125.000	1.120.737.096.047
Riot Games Services	Doanh thu phân chia	818.102.333.484	655.716.071.830
	Doanh thu dịch vụ quảng cáo	38.391.992.741	29.844.074.620
	Doanh thu trò chơi Xbox	4.771.121.877	-
Proxima	Phí bản quyền phần mềm	816.726.191.223	539.621.940.961
	Doanh thu dịch vụ quảng cáo	2.561.325.336	9.365.460.411
	Sử dụng dịch vụ	2.351.618.269	-
MPT	Doanh thu phân chia	640.083.241.772	204.342.533.843
	Doanh thu về hợp tác khai thác liên quan chương trình Coin - Khách hàng thân thiết	-	1.286.053.546
VinaData	Thuê chỗ đặt máy chủ và thuê cước đường truyền	346.358.000.000	412.076.268.421
	Sử dụng dịch vụ	55.128.303.248	1.624.597.195
	Cung cấp dịch vụ	8.111.521.781	1.362.417.308

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những nghiệp vụ trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước như sau: (tiếp theo)

			VND
<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Adtima	Doanh thu dịch vụ quảng cáo	115.108.023.944	-
	Doanh thu từ phí bản quyền	65.595.600.000	-
	Sử dụng dịch vụ quảng cáo	325.343.726	461.759.463
	Doanh thu phân chia	-	440.117.096.275
Fiza	Doanh thu phân chia	89.516.803.145	46.270.726.367
Zion	Sử dụng dịch vụ	47.949.628.388	45.981.450.046
	Doanh thu cho thuê	22.800.000.000	24.000.000.000
	Góp vốn	-	2.185.094.567.012
ZPS	Doanh thu phân chia	36.182.122.777	247.735.608.020
	Doanh thu từ phí bản quyền	24.942.863.825	-
	Chi phí bản quyền	13.978.045.172	-
	Doanh thu khác	9.691.368.271	-
Tencent Shenzhen	Phí bản quyền phần mềm	51.308.149.108	52.481.488.803
VNG Online	Tạm ứng vốn góp	39.000.000.000	39.000.000.000
	Sử dụng dịch vụ quảng cáo	-	2.530.195.396
Tencent Cloud	Thuê server và cước dịch vụ đường truyền	9.792.812.610	-
	Chi phí khác	6.671.069.705	-
Mixus	Doanh thu khác	5.202.697.392	-
	Phí bản quyền phần mềm	4.629.629.630	10.000.000.000
	Doanh thu nhạc chờ và bản quyền bài hát	-	5.683.581.155
DayOne Holding	Chia cổ tức	11.290.796.841	-
	Góp vốn	-	138.120.000.000
DMF	Chi phí hoạt động từ thiện	11.274.665.552	-
Zie	Doanh thu phân chia	9.879.097.755	16.161.426.282
Tencent Shanghai	Phí bản quyền phần mềm	7.901.510.081	35.616.224.925
VNGS	Doanh thu cho thuê	2.572.800.000	18.829.090.908
	Phí bản quyền phần mềm	-	61.572.431.486
	Chi phí sử dụng phần mềm	-	51.637.795.501
VNG DC	Cung cấp dịch vụ	3.128.069.000	4.055.726.501
VNGGames VN	Doanh thu cho thuê	2.099.200.000	-
	Doanh thu chia sẻ	632.329.628	-
2MoreBits	Doanh thu cho thuê	2.563.200.000	-
VNG Solutions	Cung cấp dịch vụ	1.182.662.983	1.978.064.730
Zalo Platform	Doanh thu cho thuê	1.264.100.000	-
Greenmode	Sử dụng dịch vụ Zalo cloud	1.052.974.193	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những nghiệp vụ trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	VND	
		Năm nay	Năm trước
VTH	Cung cấp dịch vụ	628.800.000	263.400.000
DayOne	Sử dụng dịch vụ Rút vốn	339.800.000 -	480.756.296 138.120.000.000
Aceville	Thuê server và cước dịch vụ đường truyền	52.786.913	15.582.183.895
Funding Asia	Thu hồi khoản đặt cọc	-	113.901.634.237
EPI	Sử dụng dịch vụ quảng cáo	-	58.809.171.142
Vinanet	Cung cấp dịch vụ Mua hàng hóa và dịch vụ	- -	8.333.333.333 568.398.634
XFM	Mua dịch vụ quảng cáo	-	2.875.677.697

Giao dịch với các bên liên quan khác

Thù lao, trợ cấp của Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Ông Lê Hồng Minh (i)	4.612.744.000	4.597.728.000
Ông Vương Quang Khải (ii)	13.275.244.000	6.531.728.000
Thành viên Ban Kiểm soát	180.000.000	180.000.000
TỔNG CỘNG	18.067.988.000	11.309.456.000

(i) Nhà sáng lập, Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Đại diện pháp luật.

(ii) Đồng sáng lập, Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng Giám đốc		
Tiền lương trung bình một tháng (VND/tháng)	349.804.519	383.144.000

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Các thành viên quản lý chủ chốt khác		
Tiền lương trung bình một tháng cho một người (VND/tháng/người)		
Các Phó Tổng Giám đốc điều hành	380.457.303	402.218.229

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

		VND	
Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (TM số 7)			
Zion	Cung cấp dịch vụ	58.142.360.000	-
	Chi phí thuê	2.090.000.000	2.200.000.000
	Thu hộ	1.320.996.000	74.613.176.667
	Khác	124.908.000	-
Adtima	Doanh thu quảng cáo phân chia	20.106.288.628	42.113.481.411
	Doanh thu trích trước	1.513.876.474	-
	Thu hộ	57.788.774	-
Thanh Sơn	Bán thẻ trò chơi trả trước	40.720.050.000	38.441.850.000
	Chi phí thuê	158.600.000	-
Riot Games Services	Cung cấp dịch vụ	33.920.202.636	37.361.581.157
	Doanh thu trích trước	4.354.168.210	399.613.600
Fiza	Doanh thu phân chia	14.084.862.604	10.570.310.477
ZPS	Phí bản quyền phần mềm	13.029.600.000	-
2MoreBits	Cung cấp dịch vụ	7.088.400.000	-
Verichains VN	Chi phí thuê	1.842.968.991	-
	Doanh thu trích trước	1.533.310.500	-
Proxima	Khác	92.428.490	-
	Cung cấp dịch vụ quảng cáo	-	5.242.864.444
VNGS	Cung cấp dịch vụ	2.309.120.000	-
	Phí thuê	273.497.600	-
	Khác	37.765.111	-
VNG DC	Cung cấp dịch vụ	860.218.975	914.343.045
ZPI	Bán thẻ trò chơi trả trước	71.667.830	-
	Phí bản quyền phần mềm	-	26.771.835
Vinadata	Chi phí thuê	676.260.997	-
Zalo platform	Cung cấp dịch vụ	387.200.000	-
	Khác	176.000.000	-
Khác	Khác	781.171.294	8.694.195.901
TỔNG CỘNG		205.753.711.114	220.578.188.537
Phải thu ngắn hạn khác (TM số 8)			
Zion	Chi hộ	10.485.868.649	3.555.820.205
	Tạm ứng vốn góp	-	40.000.000.000
MPT	Chi hộ	4.236.514.793	-
ZPS	Chi hộ	3.356.257.817	-
EPI	Chi hộ	1.636.120.166	7.991.033.871
VNGO	Tạm ứng vốn góp	2.193.522.631	39.000.000.000
ZPI	Chi hộ	995.609.105	-
VNG Singapore	Chi hộ	823.607.986	816.891.211
Các công ty khác	Chi hộ	1.759.878.849	3.908.732.195
TỔNG CỘNG		25.487.379.996	95.272.477.482

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:
(tiếp theo)

			VND
Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho người bán ngắn hạn			
Thanh Sơn	Sử dụng dịch vụ	161.492.200	167.050.600
VNG Solutions	Sử dụng dịch vụ	-	2.450.000.000
TỔNG CỘNG		161.492.200	2.617.050.600
Phải trả người bán ngắn hạn (TM số 15)			
MPT	Thu hộ	299.715.033.910	117.618.886.971
VinaData	Chi phí cước đường truyền	136.770.685.006	14.364.944.492
Proxima	Phí bản quyền phần mềm	116.446.859.215	114.600.272.314
ZPS	Thu hộ	4.263.573.999	71.067.787.564
VNG Singapore	Thu hộ	18.655.303.417	21.096.158.876
	Sử dụng dịch vụ	2.565.983.539	-
Tencent Cloud	Sử dụng dịch vụ	6.986.373.912	-
Tencent Shenzhen	Phí bản quyền phần mềm	6.785.908.710	5.531.508.396
Verichains VN	Sử dụng dịch vụ	3.914.998.920	-
Zie	Thu hộ	792.884.120	19.857.716.169
Tencent Shanghai	Phí bản quyền phần mềm	417.735.713	8.786.849.137
Các công ty khác	Sử dụng dịch vụ	1.238.697.882	8.712.370.006
TỔNG CỘNG		598.554.038.343	381.636.493.925
Chi phí phải trả ngắn hạn (TM số 18)			
Riot Games Services	Phí bản quyền phần mềm	225.378.484.647	216.088.179.247
Proxima	Phí bản quyền phần mềm	151.971.057.394	136.073.923.514
	Chi phí hoạt động	1.846.390.000	845.898.047
Tencent Shenzhen	Phí bản quyền phần mềm	8.618.760.345	12.627.573.364
VNGGames TH	Khác	6.562.638.600	-
MPT	Chi phí chia sẻ doanh thu	5.998.123.944	-
Zion	Khác	4.819.369.862	-
VinaData	Chi phí cước đường truyền	3.379.133.984	3.737.631.056
Zie	Khác	2.255.532.250	-
Các công ty khác	Sử dụng dịch vụ	1.360.084.246	5.107.116.298
TỔNG CỘNG		412.189.575.272	374.480.321.526

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. CÁC CAM KẾT VÀ NGHĨA VỤ TIỀM TÀNG

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động. Các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	21.479.399.415	22.185.437.333
Từ 1 đến 5 năm	31.150.258.657	56.650.483.500
TỔNG CỘNG	52.629.658.072	78.835.920.833

Cam kết liên quan đến các chi phí đầu tư lớn

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty có các cam kết liên quan đến việc mua phí bản quyền trò chơi được thể hiện như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phí bản quyền trò chơi	77.061.564.505	140.655.853.206
Phí bản quyền tối thiểu	16.221.855.000	81.367.159.500
TỔNG CỘNG	93.283.419.505	222.023.012.706

Các cam kết và nghĩa vụ tiềm tàng khác

- (i) Trong năm 2022, Công ty đã ký kết một thỏa thuận đăng ký để đầu tư vào một công ty hợp danh hữu hạn mới thành lập. Theo các điều khoản của thỏa thuận, việc cam kết tài trợ toàn bộ số tiền 24 triệu USD của Công ty được các bên công nhận là phụ thuộc vào việc phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng ("IPO") của VNG Limited, phương tiện niêm yết của Công ty. Trường hợp IPO không diễn ra trước một thời hạn nhất định, Công ty sẽ không bị xem là vi phạm nghĩa vụ tài trợ số tiền cam kết. Tổng số tiền cam kết dự kiến sẽ được gọi vốn trong vòng 5 năm kể từ ngày ký thỏa thuận. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty không có ý định tiếp tục thực hiện thỏa thuận đăng ký này trừ khi IPO diễn ra vào hoặc trước ngày thống nhất của các đối tác, đã được gia hạn đến ngày 30 tháng 6 năm 2026. Theo đó, trong trường hợp như vậy, Công ty có thể chấm dứt thỏa thuận mà không phải chịu bất kỳ hình phạt nào.
- (ii) Theo thỏa thuận cổ đông đã được sửa đổi vào ngày 9 tháng 5 năm 2024 và thỏa thuận sửa đổi số 1 ngày 27 tháng 3 năm 2025 giữa Công ty, VNG Limited và một số đối tác có liên quan, Công ty có nghĩa vụ, trong trường hợp VNG Limited, với tư cách là bên có nghĩa vụ, không thể thực hiện nghĩa vụ bồi thường đối với bất kỳ khoản tổn thất nào cho các đối tác này khi xảy ra sự kiện vi phạm trong khoảng thời gian cụ thể, Công ty sẽ chịu trách nhiệm thực hiện việc bồi thường đối với bất kỳ khoản thiếu hụt đó. Các khoản này phát sinh từ những tổn thất mà bên đối tác phải chịu và đã được cam kết bồi thường, đảm bảo từ VNG Limited.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. NGHIỆP VỤ CHI TRẢ BẰNG CỔ PHIẾU

Ban Tổng Giám đốc của Công ty đã quyết định không hạch toán nghiệp vụ chi trả bằng cổ phiếu trên báo tài chính riêng cho đến khi quyền mua được thực hiện mà chỉ trình bày các thông tin liên quan đến các nghiệp vụ này trong thuyết minh bên dưới do chưa có hướng dẫn cụ thể về cách hạch toán các nghiệp vụ chi trả bằng cổ phiếu theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Chương trình cổ phiếu cho nhân viên (“ESOP”)

Công ty có ESOP, cho phép nhân viên có quyền mua cổ phiếu với giá 20.000 VND/cổ phiếu (ESOP II) hoặc 30.000 VND/cổ phiếu (ESOP III). Theo đó, tổng số quyền mua cổ phiếu được tổng hợp từ chương trình ESOP II và ESOP III là 3.306.526 và được cấp từ năm 2020 đến hết năm 2027.

Chi tiết của chương trình cổ phiếu được tóm tắt như sau:

1. *Kế hoạch thực hiện*

Quyền mua đến hạn thực hiện hàng năm trong vòng 3 hoặc 4 năm, tính từ ngày cấp đầu tiên.

2. *Các điều khoản*

- (i) Với mỗi 12 tháng kể từ ngày cấp quyền, nhân viên được phép thực hiện 33,33% (hoặc 25% trong trường hợp đặc biệt) tổng số quyền mua cổ phần được cấp (làm tròn xuống đến hàng đơn vị). Nhân viên bắt đầu được thực hiện quyền mua cổ phần sau khi kết thúc 12 tháng kể từ ngày được cấp quyền mua.
- (ii) Quyền mua cổ phần được thực hiện mỗi năm hai đợt từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 1 và từ ngày 1 tháng 7 đến ngày 30 tháng 7 hàng năm. Quyền mua cổ phần đã phát sinh trong một năm chỉ được thực hiện trong đợt thực hiện quyền tương ứng của năm đó. Quá thời hạn trên, toàn bộ quyền mua cổ phần chưa được thực hiện sẽ bị hủy bỏ.

3. *Điều kiện*

- (i) Quyền chọn mua sẽ bị hủy bỏ nếu điều kiện đã cam kết không đạt được.
- (ii) Chính sách này sẽ được thay đổi tùy từng thời điểm phụ thuộc vào quyết định của Công ty.

Biến động của số lượng quyền mua đã cấp và giá thực hiện trong năm được trình bày như sau:

	Năm nay		Năm trước	
	Giá (VND)	Số lượng quyền mua	Giá (VND)	Số lượng quyền mua
Số dư tại ngày 1 tháng 1	30.000	977.282	30.000	889.704
Cấp trong năm	30.000	376.405	30.000	546.701
Mất quyền mua trong năm	30.000	(137.923)	30.000	(75.076)
Thực hiện quyền mua trong năm	30.000	(426.014)	30.000	(384.047)
Số dư tại ngày 31 tháng 12		<u>789.750</u>		<u>977.282</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ:		
- USD	<u>10.234</u>	<u>1.805</u>

35. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Vào ngày 22 tháng 1 năm 2026, Công ty đã hoàn tất việc góp thêm vốn vào Công ty TNHH VNG Online với tổng giá trị là 30.000.000.000 VND.

Vào ngày 29 tháng 1 năm 2026, Công ty đã hoàn tất việc mua thêm cổ phiếu phát hành mới từ Công ty Cổ phần Công nghệ EPI ("EPI") với tổng giá trị là 29.000.000.000 VND.


Vào ngày 9 tháng 3 năm 2026, Công ty đã hoàn tất việc mua thêm cổ phiếu phát hành mới từ Công ty Cổ phần Dịch vụ - Dữ liệu Công nghệ Thông tin Vi Na ("VNĐT") với tổng giá trị là 12.000.000.000 VND. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong VNĐT là 99,9902%.

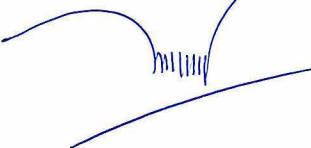
Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025 số 01/2025/NQ-DHDCD ngày 21 tháng 6 năm 2025 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 14/2025/NQHDQT-VNGG ngày 26 tháng 12 năm 2025, Hội đồng Quản trị Công ty đã thông qua kế hoạch phát hành 349.581 cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động với giá phát hành là 30.000 VND/ cổ phiếu. Vào ngày 17 tháng 3 năm 2026, Hội đồng Quản trị Công ty đã thông qua báo cáo kết quả phát hành 349.491 cổ phiếu cho người lao động theo Nghị quyết số 01/2026/NQHDQT-VNGG. Vào ngày 20 tháng 3 năm 2026, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo đã nhận được tài liệu báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu của Công ty.


Ngoài các sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2026


Hoàng Thị Huệ
Người lập


Lê Trung Tín
Kế toán trưởng


Lê Hồng Minh
Người đại diện theo pháp luật

EY | Building a better working world

EY exists to build a better working world, helping to create long-term value for clients, people and society and build trust in the capital markets.

Enabled by data and technology, diverse EY teams in over 150 countries provide trust through assurance and help clients grow, transform and operate.

Working across assurance, consulting, law, strategy, tax and transactions, EY teams ask better questions to find new answers for the complex issues facing our world today.

EY refers to the global organization, and may refer to one or more, of the member firms of Ernst & Young Global Limited, each of which is a separate legal entity. Ernst & Young Global Limited, a UK company limited by guarantee, does not provide services to clients. Information about how EY collects and uses personal data and a description of the rights individuals have under data protection legislation are available via ey.com/privacy. EY member firms do not practice law where prohibited by local laws. For more information about our organization, please visit ey.com.

© 2023 EY Consulting Vietnam Joint Stock Company.
All Rights Reserved.

ey.com/en_vn | ey.com/vi_vn